

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN
Số: 03/1999/TT-TCBĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 1999

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/1997/NĐ-CP
ngày 12/11/1997 của Chính phủ về bưu chính và viễn thông và
Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ
về quản lý giá và cước bưu chính viễn thông**

Thi hành Nghị định số 109/1997/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/1997 về bưu chính và viễn thông và Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/05/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông; sau khi trao đổi thống nhất với Ban Vật giá Chính phủ, Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh:

1.1.1. Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện quản lý Nhà nước về giá và cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam đối với các đối tượng sau:

- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cung cấp);
- Các doanh nghiệp bán lại dịch vụ bưu chính, viễn thông (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bán lại). Doanh nghiệp cung cấp và doanh nghiệp bán lại sau đây được gọi chung là doanh nghiệp;
- Các đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông (sau đây gọi tắt là đại lý);
- Người sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông (sau đây gọi tắt là người sử dụng).

1.2. Nguyên tắc hình thành giá và cước bưu chính, viễn thông:

- 1.2.1. Hình thành trên cơ sở giá thành sản xuất các sản phẩm và dịch vụ;
- 1.2.2. Phù hợp với quy cách, chất lượng của dịch vụ và khả năng thanh toán của người sử dụng;
- 1.2.3. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, từng bước hội nhập khu vực và thế giới;
- 1.2.4. Có sự điều tiết giữa các dịch vụ, giữa các vùng lãnh thổ, giữa các doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Ngành Bưu điện trong cả nước phù hợp với chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước; Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bù đắp được chi phí sản xuất, có tích lũy và làm nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước;
- 1.2.5. Cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế được xây dựng phù hợp với các quy định về cước bưu chính và viễn thông của các tổ chức bưu chính, viễn thông quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia ký kết song phương hoặc đa phương; phù hợp với chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước;
- 1.2.6. Giá và cước bưu chính, viễn thông trong nước được quy định bằng đồng Việt Nam. Giá và cước bưu chính, viễn thông quốc tế được quy định bằng đô la Mỹ (USD), áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân người nước ngoài hoạt động tại Việt nam; được thu bằng đô la Mỹ hoặc bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

II. NHIỆM VỤ VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH GIÁ, CƯỚC

Nhiệm vụ và thẩm quyền ban hành giá, cước được thực hiện theo Điều 4, Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/05/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông, Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thêm một số điểm như sau:

2.1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cước chuẩn trong nước và ủy quyền cho Tổng cục Bưu điện quyết định cước chuẩn các dịch vụ qui định tại mục 1, điều 4, Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/05/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông:

- Cước cơ bản đối với thư gửi trong nước đến 20 gam;

- Tiếng điện báo thường trong nước;
- Cước phút đàm thoại đường dài trong nước (bao gồm cả fax, truyền số liệu trong kênh thoại) ở cự ly trung bình.

2.2. Tổng cục Bưu điện:

2.2.1. Quyết định khung giá và cước hoặc giá và cước các dịch vụ sau đây sau khi trao đổi với Ban Vật giá Chính phủ:

- Quyết định cụ thể mức cước các dịch vụ trên cơ sở mức cước chuẩn các dịch vụ quy định tại điểm 2.1 nêu trên.
- Thuê bao điện thoại;
- Điện thoại nội hạt (bao gồm đàm thoại, fax, truyền số liệu trong kênh thoại);
- Thuê bao truyền số liệu chuyển mạch gói;
- Lắp đặt điện thoại, facsimile.

2.2.2. Quy định:

2.2.2.1. Khung giá và cước hoặc giá và cước các dịch vụ:

- Dịch vụ đặc biệt đối với bưu phẩm phục vụ chính quyền gồm hỏa tốc, hẹn giờ.
- Học phẩm người mù;
- Thư chiều đi quốc tế;
- Điện báo khí tượng thủy văn, điện báo an toàn nhân mạng, điện báo quốc vụ; điện báo báo chí trong nước;
- Viễn thông công cộng trên biển trong nước;
- Thuê trung kế;
- Thuê kênh viễn thông đường dài trong nước và quốc tế;
- Thuê cổng và lắp đặt thuê bao truy nhập trực tiếp Internet;
- Thông tin truyền số liệu chuyển mạch gói;
- Điện thoại chiều đi quốc tế (bao gồm đàm thoại, fax, truyền số liệu trong kênh thoại);
- Thuê bao, tiếp mạng và đàm thoại di động (bao gồm cả fax, truyền số liệu trong kênh thoại);
- Cài đặt và thông tin truy nhập gián tiếp Internet;

- Nhấn tin toàn quốc.

2.2.2.2. Quyết định mức giá, cước cụ thể hoặc khung giá, cước, hoặc giao cho doanh nghiệp quyết định giá, cước đối với các dịch vụ mới khi doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ;

2.2.3. Qui định cơ chế quản lý giá, cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông đối với các tổ chức được phép bán lại dịch vụ theo các qui định của pháp luật.

2.3. Doanh nghiệp:

2.3.1. Căn cứ vào khung giá và cước và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Bưu điện và Ban Vật giá Chính phủ, quyết định các mức giá và cước cụ thể của các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông; quyết định và hướng dẫn thực hiện giá và cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông ngoài danh mục Nhà nước qui định.

2.3.2. Quyết định giá, cước đối với các dịch vụ thử nghiệm trong thời gian thử nghiệm dịch vụ.

III. XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH CÁC PHƯƠNG ÁN GIÁ, CƯỚC

3.1. Tổ chức xây dựng phương án giá, cước:

3.1.1. Đối với giá, cước các dịch vụ chuẩn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giá, cước các dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Vật giá Chính phủ qui định tại mục 2.1, 2.2 của Thông tư này, Tổng cục Bưu điện tổ chức xây dựng phương án cước chuẩn các dịch vụ.

3.1.2. Doanh nghiệp xây dựng phương án giá và cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông trong những trường hợp sau:

- Khi giá thành dịch vụ, quan hệ cung cầu về dịch vụ biến động đến mức cần thiết phải điều chỉnh giá, cước dịch vụ;
- Khi cơ chế, chính sách quản lý của Nhà nước đối với dịch vụ thay đổi ảnh hưởng đến kết cấu giá, cước của dịch vụ;
- Khi được cấp phép cung cấp dịch vụ mới;
- Khi Tổng cục Bưu điện yêu cầu xây dựng phương án giá, cước mới để xem xét điều chỉnh giá, cước.

Doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xây dựng và trình Tổng cục Bưu điện các phương án giá, cước trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu xây dựng phương án. Đối với các phương án giá, cước phức tạp, thời gian xây dựng và trình phương án không quá 90 ngày kể từ ngày doanh nghiệp nhận được yêu cầu xây dựng phương án của Tổng cục Bưu điện.

3.2. Phương án giá và cước dịch vụ bưu chính, viễn thông phải được xây dựng theo các nguyên tắc hình thành giá và cước nêu tại mục 1.2 của Thông tư này.

3.3. Hồ sơ phương án giá, cước bao gồm:

3.3.1. Tờ trình phương án giá và cước do Thủ trưởng doanh nghiệp ký và đóng dấu (Đối với các dịch vụ bưu chính, viễn thông thuộc thẩm quyền quyết định của Nhà nước);

3.3.2. Phương án giá, cước dịch vụ với các nội dung sau:

- Tình hình cung cấp và sử dụng dịch vụ (tổ chức sản xuất, cung cấp dịch vụ, nhu cầu thị trường) và sự cần thiết phải tiến hành điều chỉnh hoặc ban hành mới giá, cước dịch vụ;
- Bảng tính toán giá thành dịch vụ;
- Giải trình về phương pháp tính toán, cơ sở tính toán, các yếu tố chi phí hình thành giá, cước dịch vụ;
- Bảng giá, cước cùng dịch vụ ở các nước trong khu vực và trên thế giới (nếu có);
- Bảng phân tích so sánh với giá, cước các dịch vụ liên quan;
- Đề xuất của doanh nghiệp về giá, cước dịch vụ, bao gồm cả các đề xuất về cơ chế điều hành, quản lý giá cước dịch vụ.

3.4. Thẩm định phương án giá, cước:

3.4.1. Đối với giá, cước các dịch vụ chuẩn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu tại mục 2.1 của Thông tư này, Ban Vật giá Chính phủ thẩm định phương án giá, cước trước khi Tổng cục Bưu điện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3.4.2. Đối với giá và cước bưu chính, viễn thông thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Vật giá Chính phủ, Ban Vật giá Chính phủ thẩm định và ban hành giá, cước theo đề nghị của Tổng cục Bưu điện.